TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển.

Bà Phạm Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2017/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Chúc T**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp MĐA, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Vưu Chí C**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Chúc T trình bày***: Chị và anh Vưu Chí C kết hôn năm 2011 và không đăng ký kết hôn. Chị và anh C ly thân khoảng 06 tháng nay nguyên nhân do anh C đánh và bóp cổ chị nhiều lần. Chị có nhờ cha mẹ hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh C không thay đổi mà còn tiếp tục các hành vi trên.

Nay chị nhận thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vưu Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2012 do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung chị xác định không có.

**** Tại đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 22/12/2017 anh Vưu Chí C trình bày:*** Anh đồng ý ly hôn. Con chung theo chị T trình bày là đúng và đồng ý theo yêu cầu của chị T. Tài sản và nợ anh xác định không có. Do bận việc làm nên anh xin từ chối tham gia giải quyết vụ án, xin vắng mặt trong các buổi Tòa án mời làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất, xét xử và các hoạt động tố tụng khác tại Tòa án trên kể từ ngày làm đơn cho đến khi vụ án kết thúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của anh Vưu Chí C không tham gia hòa giải và xét xử. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn. Đối với anh C đồng ý ly hôn với chị T. Tuy nhiên, anh chị tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*. Từ căn cứ trên, xét thấy anh chị không có đăng ký kết hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh C có 01 con chung tên Vưu Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2012 hiện do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên được ghi nhận.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Như vậy, anh C không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 650.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T tính từ ngày tuyên án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị xác định không có. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Chúc T và anh Vưu Chí C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Vưu Huỳnh H, sinh ngày 28/4/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vưu Chí C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, một tháng 650.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2018).

Anh Vưu Chí C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản và nợ anh chị xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình chị Huỳnh Chúc T phải chịu 300.000 đồng, chị T nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009416 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Vưu Chí C phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên